

Bài 11. DI DÂN VÀ SỰ BÙNG NỔ ĐÔ THỊ Ở ĐỚI NÓNG

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần :

- Nắm được nguyên nhân của di dân và đô thị hoá ở đới nóng.
- Biết được nguyên nhân hình thành và những vấn đề đang đặt ra cho các đô thị, siêu đô thị ở đới nóng.

2. Về kĩ năng

- Bước đầu luyện tập cách phân tích các sự vật, hiện tượng địa lí (các nguyên nhân di dân).
- Củng cố các kĩ năng đọc và phân tích ảnh địa lí, lược đồ địa lí và biểu đồ hình cột.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Vấn đề đô thị hoá sẽ còn được học trong nhiều bài khác của lớp 7.

2. Trong bài này, GV cần dành nhiều thời gian nói đến các hậu quả xấu do quá trình đô thị hoá nhanh và tự phát đang gây ra cho các nước ở đới nóng để HS hiểu sự cần thiết phải đô thị hoá có kế hoạch như Xin-ga-po.

3. Trọng tâm bài học : Mục 2. Bài tập trọng điểm : Bài tập 3.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ Dân cư thế giới.

– Các ảnh sưu tập về hậu quả đô thị hoá ở đới nóng như đường sá ngập nước mưa, đường sá quá tải, nhà ven sông rạch, nhà ổ chuột ở các xóm liều, cảnh nhặt rác kiếm sống, ăn mày ăn xin, người lang thang không nhà... trong sách báo.

– Các ảnh về các đô thị hiện đại ở Đông Nam Á đã được đô thị hoá có kế hoạch như Xin-ga-po, Kua-la Lăm-pua, Băng Cốc, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, ...

Trước hoặc sau bài học, GV có thể cho HS sưu tập tranh ảnh trong sách báo tạp chí, các tư liệu về đô thị hoá ở đới nóng theo nội dung bài học trong SGK.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

Lời giới thiệu bài này đề cập đến việc đô thị hoá nhanh ở đới nóng thường gắn liền với quá trình di dân từ nông thôn ra các đô thị.

2. Gợi ý dạy mục 1

Bước 1 : GV yêu cầu HS trình bày lại tình hình gia tăng dân số của các nước đới nóng dẫn đến nhu cầu dân cư phải di chuyển đi nơi khác tìm đất đai canh tác, tìm việc làm... để kiếm sống.

GV yêu cầu HS đọc thuật ngữ "di dân". Sau đó, GV yêu cầu cả lớp đọc đoạn văn "Di dân ở các nước ... Tây Nam Á" và nêu câu hỏi : Tại sao lại nói : Bức tranh di dân ở đới nóng rất đa dạng và phức tạp ? Tìm và nêu ra các nguyên nhân của di dân ở đới nóng.

Dựa vào ý kiến đóng góp của các nhóm HS, GV phân tích đặc điểm di dân ở đới nóng là :

– Đa dạng : có nhiều nguyên nhân khác nhau.

– Phức tạp : các nguyên nhân này không chỉ vì dân số đông, mà còn vì thiên tai, chiến tranh... (là những nguyên nhân tiêu cực) hay do yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... (là những nguyên nhân tích cực).

Bước 3 : GV hướng dẫn HS tìm ra những biện pháp tích cực (là biện pháp tác động tốt đến sự phát triển kinh tế – xã hội) của di dân có kế hoạch trong đoạn từ "Tuy nhiên, nhiều nước ... kinh tế – xã hội".

Cuối cùng, GV giúp cho HS nhận xét : Chỉ bằng những biện pháp tích cực di dân có kế hoạch thì các nước đới nóng mới giải quyết được sức ép dân số đang làm cho đời sống gặp khó khăn, kinh tế chậm phát triển...

3. Gợi ý dạy mục 2

Bước 1 : GV cho HS đọc thuật ngữ "đô thị hoá", tìm hiểu tình hình đô thị hoá ở đới nóng và ghi lên bảng :

– Năm 1950 trên thế giới không có đô thị 4 triệu dân, năm 2000 đã có 11 siêu đô thị trên 8 triệu dân.

– Dân số đô thị ở đới nóng năm 2000 tăng gấp 2 lần năm 1989, vài chục năm nữa sẽ gấp đôi tổng số dân đô thị ở đới ôn hoà. GV sử dụng số liệu ở bài tập 3 để minh hoạ thêm.

GV có thể viết bản thống kê về tình hình đô thị dưới đây cho HS phân tích để thấy được tốc độ đô thị hoá trên thế giới :

	Tỉ lệ đô thị hoá (% dân số)		Tốc độ đô thị hoá (%) (1992 so với 1950)
	1950	1992	
Toàn thế giới	29,4	44,0	49,6
Các nước phát triển	53,6	74,0	38,1
Các nước đang phát triển	17,4	35,0	101,1

Bước 2 : GV giới thiệu nội dung trong các hình 11.1 và 11.2 :

– Ảnh 11.1 là thành phố Xin-ga-po phát triển có kế hoạch, nay trở thành một trong những thành phố hiện đại và sạch nhất thế giới.

– Ảnh 11.2 là một khu ổ chuột ở một thành phố của Ấn Độ, được hình thành tự phát trong quá trình đô thị hoá do di dân tự do.

Sau đó, GV yêu cầu HS quan sát ảnh, để so sánh sự khác nhau giữa đô thị hoá tự phát và đô thị hóa có kế hoạch :

– Đô thị hoá nhanh và tự phát như ở Ấn Độ để lại nhiều hậu quả nặng nề cho đời sống (thiếu điện nước và tiện nghi sinh hoạt, dễ bị dịch bệnh, ...) và cho môi trường (rác thải và nước thải sinh hoạt làm ô nhiễm nước, không khí bị ô nhiễm làm mất đi vẻ đẹp của môi trường đô thị, ...).

– Đô thị hoá có kế hoạch như ở Xin-ga-po thì cuộc sống người dân ổn định, có đủ tiện nghi sinh hoạt, môi trường đô thị sạch đẹp,...

Bước 3 : GV tổng kết mục 2 và nêu các giải pháp được áp dụng phổ biến ở các nước đới nóng hiện nay là : gắn liền đô thị hoá với phát triển kinh tế và phân bố lại dân cư cho hợp lí.

V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu hỏi 1 kiểm tra sự hiểu biết của HS về nguyên nhân của sự di dân trong nước ở đới nóng.

Khi nêu các nguyên nhân, GV cho điểm cao đối với HS biết sắp xếp các nguyên nhân di dân theo từng nhóm :

– Nhóm các nguyên nhân tích cực (có tác động tốt đến kinh tế – xã hội) và nguyên nhân tiêu cực (tác động xấu đến kinh tế – xã hội).

– Nhóm các nguyên nhân tự nhiên (thiên tai, hạn hán, ...) và các nguyên nhân xã hội (xung đột, chiến tranh, đói nghèo, ...).

Bài tập 3 là bài luyện kĩ năng phức hợp, cùng một lúc rèn luyện các kĩ năng địa lí :

– Kĩ năng đọc và phân tích biểu đồ hình cột đã từng được học trong biểu đồ khí hậu, biểu đồ sông ngòi nhưng lần đầu tiên HS được biết trong biểu đồ dân số.

– Kĩ năng so sánh tổng hợp quá trình đô thị hoá của các châu lục từ 1950 đến 2001 và tính tốc độ đô thị hoá của các châu lục.

Đây là lần đầu tiên HS tiếp xúc với loại biểu đồ dân số hình cột, nên khi hướng dẫn làm bài tập hoặc giải bài tập trên lớp, GV cần dẫn dắt HS theo đúng trình tự các bước dưới đây để luyện tập thành kĩ năng cho các em :

– *Bước 1* : So sánh tỉ lệ dân số đô thị giữa các châu lục và khu vực năm 2001 để xác định nơi có tỉ lệ dân số đô thị hoá cao nhất (Nam Mĩ : 79%).

- *Bước 2* : Tính và so sánh tốc độ đô thị hoá của từng châu lục và khu vực năm 2001 so với năm 1950 tăng bao nhiêu %.

Thí dụ : Châu Âu có tốc độ đô thị hoá là : $\frac{73 - 56}{56} \times 100\% = 30,4\%$

Châu Á là : $\frac{37 - 15}{15} \times 100\% = 146,6\%$

- *Bước 3* : So sánh tốc độ đô thị hoá giữa các châu lục và khu vực để tìm ra nơi có tốc độ đô thị hoá nhanh nhất (châu Á có tỉ lệ đô thị hoá năm 2001 gấp 1,47 lần năm 1950. Trong khi châu Phi là 1,2 lần, Nam Mỹ : 0,93 lần, châu Âu : 0,3 lần và Bắc Mỹ chỉ có 0,17 lần).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Dân số học đại cương* – Nguyễn Kim Hồng – NXB Giáo dục, 1998 (trang 169 – 171).
- *Tìm hiểu Trái Đất và loài Người* – Nguyễn Hữu Danh – NXB Giáo dục, 2001 (trang 123 – 134).
- *Dân số bán đảo Đông Dương* – Francis Gendreau, Vincent Fauveau, Đặng Thu – NXB Thế giới, 1997 (trang 119 – 128).